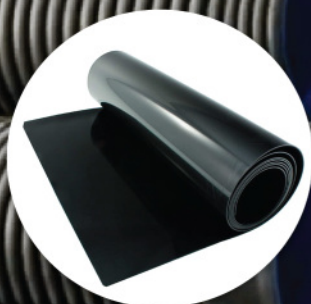




CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK

NHỰA BẢO MINH

BAO MINH PLASTIC IMPORT EXPORT TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED



NHỰA BẢO MINH

Sản phẩm nổi lên thương hiệu



Hotline tư vấn khách hàng

Miền Nam - **0836 369 369**

Miền Bắc - **03633 03633**

📍 29 Tỉnh Lộ 830, Ấp 3, Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
✉ nhuabaominh.cskh@gmail.com

MỤC LỤC



o **Giới Thiệu**

o **Thông Tin Công Ty**

o **Ngành Nghề Hoạt Động**

o **Thành Tựu & Hoạt Động Tiêu Biểu**

o **Tổ Chức Nhân Sự**

o **Chứng Chỉ & Cơ Sở Pháp Lý**

o **Nhân Lực Thiết Bị**

o **Kinh Nghiệm Dự Án**



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK

NHỰA BẢO MINH

22 Lương Trúc Đàm, Phường Hiệp Tân,
Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh





GIỚI THIỆU



Hòa vào sự chuyển mình của Đất nước, bắt kịp xu hướng hội nhập và phát triển của xã hội nói chung và Ngành công nghiệp nhựa nói riêng. **Bảo Minh** là một cơ sở sản xuất nhựa trên khắp địa bàn toàn quốc từ năm 2002. Do nhận thấy tình hình cấp thoát nước đang là nhu cầu và là xu hướng tất yếu ở các khu công nghiệp, công trình xây dựng, Bảo Minh chính thức phát triển thành **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK NHỰA BẢO MINH**, là doanh nghiệp chuyên sản xuất các loại ống nhựa HDPE và phụ kiện chuyên dùng trong các công trình cấp, thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp...

Với trang thiết bị hiện đại, cùng với quản lý sản xuất chuyên nghiệp, đội ngũ kỹ thuật lành nghề, **Nhựa Bảo Minh** mang đến những sản phẩm có chất lượng cao, tiến độ giao hàng đảm bảo, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu và nhu cầu khác nhau của khách hàng.

Thế mạnh làm nên thương hiệu **Nhựa Bảo Minh** khác biệt chính là: Sự chuyên môn hóa trong từng bộ phận, tính trách nhiệm cao cùng những giám sát kỹ thuật làm việc nghiêm túc, cẩn thận nhằm tạo nên những sản phẩm hoàn thiện đến từng chi tiết nhỏ nhất. Ngoài ra, các bộ phận thường xuyên trao đổi công việc, chia sẻ những khó khăn, sáng kiến xây dựng nên một Nhựa Bảo Minh năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp hơn trong từng dự án chúng tôi tham gia.

Với phương châm "Sản phẩm nói lên thương hiệu" và định hướng "Liên tục cải tiến". **Nhựa Bảo Minh** đã luôn nỗ lực cả về nhân lực, vật lực, xây dựng uy tín thương hiệu, niềm tin với khách hàng với những sản phẩm chúng tôi cung cấp.

Sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng trong suốt thời gian qua là nguồn động viên to lớn trên bước đường phát triển của **Nhựa Bảo Minh**. Chúng tôi sẽ không ngừng hoàn thiện, phục vụ khách hàng tốt nhất để luôn xứng đáng với niềm tin ấy.



THÔNG TIN CÔNG TY

TÊN CÔNG TY

Công ty TNHH SX TM XNK Nhựa Bảo Minh

TÊN QUỐC TẾ

Bao Minh Plastic Import Export Trading Production Company Limited

VĂN PHÒNG CÔNG TY

22 Lương Trúc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI

0283 847 4646 - 0836 369 369

NHÀ MÁY

Số 29 Tỉnh Lộ 830, Ấp 3 Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

TÀI KHOẢN SỐ

16988 9999 9999 - MB Bank - CN TP.HCM

MÃ SỐ THUẾ

0314994930

EMAIL

nhuabaominh.cskh@gmail.com

WEBSITE

www.nhuabaominh.com

FACEBOOK

www.fb.com/nhuabaominh

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

Sản xuất và cung cấp ống các loại
ống nhựa HDPE bao gồm:



Ống nhựa HDPE gân xoắn 2 vách



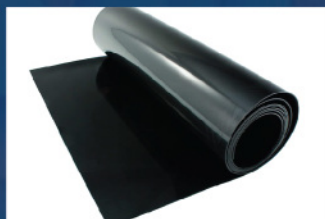
Ống nhựa HDPE gân xoắn 2 lớp



Ống nhựa HDPE trơn - Cấp nước



**Ống nhựa HDPE gân xoắn luồn
dây điện**



Bạt chống thấm HDPE



Hộp nhựa xây dựng BBOX



NHỰA BẢO MINH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



DANH SÁCH		CỬ NHÂN	9
THẠC SỸ	1	TRUNG CẤP	12
KỸ SƯ	2	CÔNG NHÂN	32

SẢN PHẨM NÓI LÊN THƯƠNG HIỆU

CƠ SỞ PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0314994930

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 04 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 15 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BAO MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO MINH PLASTIC IMPORT EXPORT
TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

22 Lương Trúc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Điện thoại: 0938108229

Email: kt.nhuabaominh@gmail.com

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân: Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HÒN	Việt Nam	Thôn Phước Long, Xã Bình Đào, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	12.600.000.000	63,000	049082018519	

2	NGUYỄN THỊ VIÊN	Việt Nam	22/11H Trưng, Xã Thới, Huyện Học Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.400.000.000	27,000	083178000348	
3	HUYNH QUỐC CUÔNG	Việt Nam	Tổ 5, Thôn 8, Xã Đức Liễu, Huyện Bồ Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2.000.000.000	10,000	075090007159	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HÒN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049082018519

Ngày cấp: 20/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phước Long, Xã Bình Đào, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phước Long, Xã Bình Đào, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng
PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
Vũ Thành Thơ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

ISO CERT
TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT
"HAI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG"

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 8935293400269-QMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Trụ sở: Số 22, Đường Lương Trác Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy: Lô A11, Đường dự 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:
Sản xuất và kinh doanh ống nhựa HDPE.

Ngày chứng nhận: 15/06/2019
Ngày phát hành: 15/06/2019
Ngày hết hạn: 14/06/2022
Chỉ tiết tại quyết định số: 15061901/QĐ-ISO CERT

Mã Truy Xuất Chứng Chỉ: 8935293400269

ISO 9001:2015

Thư viện lưu trữ chứng chỉ tại: <http://iso-cert.org.vn>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT
Số 40 đường A, Lô 12 KĐT mới Bình Chánh, Phường Bình Chánh, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hotline: 1900.636.538, VPHN: 0270.856.538, VPMN: 0270.856.538, Email: contact@iso-cert.org.vn, Website: <http://iso-cert.org.vn>

ISO CERT
HAI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 8935293400269-PRO

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:
ÔNG BĂNG CHẤT ĐEO (PE) THANH KẾT CẤU DUNG CHƠ MỤC DỊCH THOÁT NƯỚC CHƠN NGÂM TRONG ĐIỀU KIỆN KHÔNG CHỊU ÁP
(Chỉ tiết tại quyết định)

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Trụ sở chính: 22 Lương Trác Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy: Lô A11, Đường dự 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 16:2019/BXD

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCH ngày 12/12/2012 và Thông tư 02/2017/TT-BKHCH ngày 31/05/2017.

Ngày chứng nhận: 09.12.2020
Ngày phát hành: 09.12.2020
Ngày hết hạn: 08.12.2023
Chỉ tiết tại quyết định số: 09122002/QĐ-ISO CERT

Mã Truy Xuất Chứng Chỉ: 8935293400269

Thư viện lưu trữ chứng chỉ tại: <http://iso-cert.org.vn>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT
Số 40 đường A, Lô 12 KĐT mới Bình Chánh, Phường Bình Chánh, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hotline: 1900.636.538, VPHN: 0270.856.538, VPMN: 0270.856.538, Email: contact@iso-cert.org.vn, Website: <http://iso-cert.org.vn>

CQC
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận sản phẩm:
ÔNG DẪN NƯỚC THẢI BẰNG NHỰA HOPE GÂN XOÀN

NHÂN HIỆU:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Địa chỉ: 22 Lương Trác Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ sản xuất: Lô A11, Đường dự 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn:

TCVN 11821-3:2017/ISO 21138-3: 2007

Phương thức chứng nhận:
Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCH ngày 12/12/2012

Số chứng chỉ: HC.02.014
Hiệu lực của chứng chỉ: Từ 12/07/2019 đến 11/07/2022
Chỉ tiết tại quyết định số: 11/07/2019/QĐ-CQC

Được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

Thư viện lưu trữ chứng chỉ tại: <http://iso-cert.org.vn>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT
Số 40 đường A, Lô 12 KĐT mới Bình Chánh, Phường Bình Chánh, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hotline: 1900.636.538, VPHN: 0270.856.538, VPMN: 0270.856.538, Email: contact@iso-cert.org.vn, Website: <http://iso-cert.org.vn>

ISO CERT
HAI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 8935293400269-PRO

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:
ÔNG THOÁT NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI CHƠN NGÂM KHÔNG CHỊU ÁP BẰNG CHẤT ĐEO POLYETYLEN (PE)
(Chỉ tiết tại quyết định)

NHÂN HIỆU:

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Trụ sở: Số 22, Đường Lương Trác Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy: Lô A11, Đường dự 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

TCVN 11821-2:2017/ISO 21138-2:2007

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCH ngày 12/12/2012 và Thông tư 02/2017/TT-BKHCH ngày 31/05/2017.

Ngày chứng nhận: 10.05.2021
Ngày phát hành: 10.05.2021
Ngày hết hạn: 09.05.2024
Chỉ tiết tại quyết định số: 10052107/QĐ-ISO CERT

Mã Truy Xuất Chứng Chỉ: 8935293400269

Thư viện lưu trữ chứng chỉ tại: <http://iso-cert.org.vn>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT
Số 40 đường A, Lô 12 KĐT mới Bình Chánh, Phường Bình Chánh, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hotline: 1900.636.538, VPHN: 0270.856.538, VPMN: 0270.856.538, Email: contact@iso-cert.org.vn, Website: <http://iso-cert.org.vn>

GOOD VIET NAM NATIONAL CERTIFICATION JINT STOCK COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:
TỔNG DẪN CÁP ĐIỆN (PE) VÀ PHỤ TÙNG DUNG ĐỂ CÁP NƯỚC

(POLYETHYLENE (PE) PIPES AND FITTINGS FOR WATER SUPPLY)

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI/PRODUCED IN:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH
BAO MINH PLASTIC IMPORT EXPORT TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ/Address:
Trụ sở chính/Hoạt động: 22 Lương Trác Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy/Factory: Khu công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

PHÙ HỢP VỚI SYSTEM CERTIFY:

TCVN 7305-1:2008

Phương thức chứng nhận/SYSTEM CERTIFY:
Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCH Method 5 - Circular 28/2012/TT-BKHCH

Số chứng chỉ/Certification No.: GOODVN 36326.HCS
Ngày cấp/Issued date: 28/7/2020
Giá trị hiệu lực/Valid date: 18/7/2023

DẤU CHỨNG NHẬN CERTIFICATION MARK: QR CODE: NGUYỄN ĐỖ SƠN

Chứng chỉ và dấu hiệu này chỉ có giá trị khi khách hàng không vượt quá các điều kiện ghi trên hàng của GOODVN.
This certificate and the brand if the customer's product does not pass the conditions of GOODVN.

GOOD VIET NAM NATIONAL CERTIFICATION JINT STOCK COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:
TỔNG DẪN CÁP ĐIỆN (PE) VÀ PHỤ TÙNG DUNG ĐỂ CÁP NƯỚC

(POLYETHYLENE (PE) PIPES AND FITTINGS FOR WATER SUPPLY)

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI/PRODUCED IN:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH
BAO MINH PLASTIC IMPORT EXPORT TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ/Address:
Trụ sở chính/Hoạt động: 22 Lương Trác Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy/Factory: Khu công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

PHÙ HỢP VỚI SYSTEM CERTIFY:

TCVN 8699:2011

Phương thức chứng nhận/SYSTEM CERTIFY:
Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCH Method 5 - Circular 28/2012/TT-BKHCH

Số chứng chỉ/Certification No.: GOODVN 36326.HCS
Ngày cấp/Issued date: 28/7/2020
Giá trị hiệu lực/Valid date: 18/7/2023

DẤU CHỨNG NHẬN CERTIFICATION MARK: QR CODE: NGUYỄN ĐỖ SƠN

Chứng chỉ và dấu hiệu này chỉ có giá trị khi khách hàng không vượt quá các điều kiện ghi trên hàng của GOODVN.
This certificate and the brand if the customer's product does not pass the conditions of GOODVN.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK NHỰA BẢO MINH**
ĐỊA CHỈ: 22 Lương Trúc Đàm, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI: 0283 47 46 46 - HOTLINE: 0767606019 - 0907682799
EMAIL: sales@nhuabao minh.vn
WEBSITE: www.nhuabao minh.com

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG
CERTIFICATE OF FACTORY

Số Issue No: 180321-BM

Tên khách hàng/Customer name: CÔNG TY TNHH TRƯỜNG VINH
Địa chỉ/Address: Số 329 Nguyễn Huệ, Thị trấn Tân Minh, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận
Tên hàng hóa/Product name: ỒNG NHỰA HDPE GẮN XOÀN LƯƠN DÂY ĐIỆN
Tên công trình/Works name:

Stt No	Ký hiệu hàng hóa Goods Symbol	Màu sắc Color	Đơn vị tính Unit	Số lượng Quantity
		Cam		
		Cam		

Quy cách và hình ảnh sản phẩm
Specifications and product images
1. Tên sản phẩm/goods name:
ỒNG NHỰA HDPE GẮN XOÀN LƯƠN DÂY ĐIỆN
2. Được sản xuất từ nguyên liệu nhựa HDPE/Produced from HDPE material
(High Density Polyethylene)

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại ống/ Type	Đường kính trong (mm)/ Inner Diameter	Đường kính Ngoài (mm)/ Outer diameter	Tiêu chuẩn/ Standard
			TCVN 8699-2011 ISO 9001:2015
			TCVN 8699-2011 ISO 9001:2015

Giấy này xác nhận các sản phẩm trên đều được xuất xưởng tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại XNK Nhựa Bảo Minh
This certificate certifies that the above products are shipped at Bao Minh Plastic Company

Ngày/Date: _____ Giám Đốc/Director: _____
Nguyễn Hòa

 www.nhuabao minh.com

Chứng nhận xuất xưởng

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK NHỰA BẢO MINH**
ĐỊA CHỈ: 22 Lương Trúc Đàm, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI: 0283 47 46 46 - HOTLINE: 0767606019 - 0907682799
EMAIL: sales@nhuabao minh.vn
WEBSITE: www.nhuabao minh.com

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG
CERTIFICATE OF FACTORY

Số Issue No: 180321-BM

Tên khách hàng/Customer name: _____
Địa chỉ/Address: _____
Tên hàng hóa/Product name: ỒNG NHỰA HDPE GẮN XOÀN 2 VÁCH VÀ PHỤ KIỆN
Tên công trình/Works name:

Stt No	Ký hiệu hàng hóa Goods Symbol	Màu sắc Color	Đơn vị tính Unit	Số lượng Quantity
01	BMV200	Đen	Mét	660
02	KN200	Đen	Bó	53

Quy cách và hình ảnh sản phẩm
Specifications and product images
1. Tên sản phẩm/goods name:
ỒNG NHỰA HDPE GẮN XOÀN 2 VÁCH VÀ PHỤ KIỆN KHẨU NƠI
2. Được sản xuất từ nguyên liệu nhựa HDPE/Produced from HDPE material
(High Density Polyethylene)

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại ống/ Type	Đường kính trong (mm)/ Inner Diameter	Đường kính Ngoài (mm)/ Outer diameter	Độ cứng vòng (kN/m²)/ Ring Stiffness	Tiêu chuẩn/ Standard
Ồng nhựa HDPE gắn xoắn 2 vách D200	196±4.0%	226±4.0%	6.5	TCVN 11821-3-2017 ISO 21138-3-2007 ISO 9001:2015

Giấy này xác nhận các sản phẩm trên đều được xuất xưởng tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại XNK Nhựa Bảo Minh
This certificate certifies that the above products are shipped at Bao Minh Plastic Company

Ngày/Date: 02/11/2020 Giám Đốc/Director: _____
Nguyễn Hòa

 www.nhuabao minh.com

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK NHỰA BẢO MINH**
ĐỊA CHỈ: 22 Lương Trúc Đàm, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI: 0283 47 46 46 - HOTLINE: 0767606019 - 0907682799
EMAIL: sales@nhuabao minh.vn
WEBSITE: www.nhuabao minh.com

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG
CERTIFICATE OF FACTORY

Số Issue No: 180321-BM

Tên khách hàng/Customer name: _____
Địa chỉ/Address: _____
Tên hàng hóa/Product name: ỒNG NHỰA HDPE GẮN XOÀN 2 LỚP VÀ KÈM PHỤ KIỆN
Tên công trình/Works name:
Ngày sản xuất/My date:

Stt No	Ký hiệu hàng hóa Goods Symbol	Màu sắc Color	Đơn vị tính Unit	Số lượng Quantity
01	BML200	Đen + Xanh	Mét	
02	GN200	Đen	Cái	

Quy cách và hình ảnh sản phẩm
Specifications and product images
1. Tên sản phẩm/goods name:
ỒNG NHỰA HDPE GẮN XOÀN 2 LỚP VÀ PHỤ KIỆN NƠI
2. Được sản xuất từ nguyên liệu nhựa HDPE/Produced from HDPE material
(High Density Polyethylene)

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại ống/ Type	Đường kính trong (mm)/ Inner Diameter	Đường kính Ngoài (mm)/ Outer diameter	Độ cứng vòng (kN/m²)/ Ring Stiffness	Tiêu chuẩn/ Standard
Ồng nhựa HDPE gắn xoắn 2 lớp D				TCVN 11821-3-2017 ISO 21138-3-2007 ISO 9001:2015
Ồng nhựa HDPE gắn xoắn 2 lớp D				TCVN 11821-3-2017 ISO 21138-3-2007 ISO 9001:2015

Giấy này xác nhận các sản phẩm trên đều được xuất xưởng tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại XNK Nhựa Bảo Minh
This certificate certifies that the above products are shipped at Bao Minh Plastic Company

Ngày/Date: _____ Giám Đốc/Director: _____
Nguyễn Hòa

 www.nhuabao minh.com

Chứng nhận xuất xưởng

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK NHỰA BẢO MINH**
ĐỊA CHỈ: 22 Lương Trúc Đàm, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI: 0283 47 46 46 - HOTLINE: 0938 605 828
EMAIL: sales@nhuabao minh.vn
WEBSITE: www.nhuabao minh.com

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG
CERTIFICATE OF FACTORY

Số Issue No: 180321-BM

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG
Tên khách hàng/Customer name: _____
Địa chỉ/Address: _____
Tên hàng hóa/Product name: _____
Tên công trình/Works name: _____

STT	LOẠI VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I		Mét	

II. TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT VÀ THỬ NGHIỆM
Ồng nhựa HDPE : TCVN 7305-2-2008, ISO 9001:2015

Giấy này xác nhận các sản phẩm trên đều được xuất xưởng tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại XNK Nhựa Bảo Minh
This certificate certifies that the above products are shipped at Bao Minh Plastic Company

Ngày/Date: _____ Giám Đốc/Director: _____

 www.nhuabao minh.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

QUATEST3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-0392AHD1 | PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT | 01/11/2021
Page 01/01

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA GÂN XOÀN 2 LỚP D300**
Mã mẫu: **Ống nhựa HDPE xoắn 2 lớp D300**
Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Số lượng mẫu: **01**
Ngày nhận mẫu: **29/10/2021**
Thời gian thử nghiệm: **30/10/2021 - 01/11/2021**
Địa điểm thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH**
Địa chỉ: **22 Lương Trắc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**
Ký kết thử nghiệm: **Nguyễn Thị Thủy Nhi**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
Characteristic	Unit	Test method	Test result
7.1 Đường kính trong (trung bình) của ống	mm	TCVN 6145 : 2007	305,3
7.2 Chiều cao kết cấu trung bình	mm	TCVN 6145 : 2007	24,5
7.3 Độ cứng vòng (độ biến dạng nén 3% đường kính trong) / Ring stiffness (3% deflection of inner diameter)	kN/m ²	TCVN 8850 : 2011	9,010 • Mẫu thử 1/ Sample 1 • Mẫu thử 2/ Sample 2 • Mẫu thử 3/ Sample 3 • Trung bình / Average

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

TL GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Phạm Thành Trung

QUATEST3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-0392AHD1 | PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT | 01/11/2021
Page 01/01

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA GÂN XOÀN 2 LỚP D300**
Mã mẫu: **Ống nhựa HDPE xoắn 2 lớp D300**
Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Số lượng mẫu: **01**
Ngày nhận mẫu: **29/10/2021**
Thời gian thử nghiệm: **30/10/2021 - 01/11/2021**
Địa điểm thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH**
Địa chỉ: **22 Lương Trắc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**
Ký kết thử nghiệm: **Nguyễn Thị Thủy Nhi**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
Characteristic	Unit	Test method	Test result
7.1 Đường kính trong (trung bình) của ống	mm	TCVN 6145 : 2007	305,3
7.2 Chiều cao kết cấu trung bình	mm	TCVN 6145 : 2007	24,5
7.3 Độ cứng vòng (độ biến dạng nén 3% đường kính trong) / Ring stiffness (3% deflection of inner diameter)	kN/m ²	TCVN 8850 : 2011	9,010 • Mẫu thử 1/ Sample 1 • Mẫu thử 2/ Sample 2 • Mẫu thử 3/ Sample 3 • Trung bình / Average

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

TL GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Phạm Thành Trung

Phiếu kiểm định chất lượng

QUATEST3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-01995AHD1 | PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT | 28/04/2021
Page 01/01

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA HDPE GÂN XOÀN 2 LỚP D300**
Mã mẫu: **Ống nhựa HDPE xoắn 2 lớp D300**
Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Số lượng mẫu: **01**
Ngày nhận mẫu: **19/04/2021**
Thời gian thử nghiệm: **20/04/2021 - 28/04/2021**
Địa điểm thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH**
Địa chỉ: **22 Lương Trắc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**
Ký kết thử nghiệm: **Nguyễn Thị Thủy Nhi**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
Characteristic	Unit	Test method	Test result
7.1 Đường kính trong (trung bình) của ống	mm	TCVN 6145 : 2007	200,0
7.2 Chiều cao kết cấu trung bình	mm	TCVN 6145 : 2007	17,5
7.3 Độ cứng vòng (độ biến dạng nén 3% đường kính trong) / Ring stiffness (3% deflection of inner diameter)	kN/m ²	TCVN 8850 : 2011	11,485 • Mẫu thử 1/ Sample 1 • Mẫu thử 2/ Sample 2 • Mẫu thử 3/ Sample 3 • Trung bình / Average

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

TL GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Phạm Thành Trung

QUATEST3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-02972AHD1 | PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT | 24/06/2021
Page 01/01

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA HDPE GÂN XOÀN 2 LỚP D300**
Mã mẫu: **Ống nhựa HDPE xoắn 2 lớp D300**
Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Số lượng mẫu: **01**
Ngày nhận mẫu: **18/06/2021**
Thời gian thử nghiệm: **19/06/2021 - 23/06/2021**
Địa điểm thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH**
Địa chỉ: **22 Lương Trắc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**
Ký kết thử nghiệm: **Nguyễn Thị Thủy Nhi**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
Characteristic	Unit	Test method	Test result
7.1 Đường kính trong (trung bình) của ống	mm	TCVN 6145 : 2007	194,2
7.2 Chiều cao kết cấu trung bình	mm	TCVN 6145 : 2007	14,8
7.3 Độ cứng vòng (độ biến dạng nén 3% đường kính trong) / Ring stiffness (3% deflection of inner diameter)	kN/m ²	TCVN 8850 : 2011	16,539 • Mẫu thử 1/ Sample 1 • Mẫu thử 2/ Sample 2 • Mẫu thử 3/ Sample 3 • Trung bình / Average

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

TL GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Phạm Thành Trung

QUATEST3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-01996AHD1 | PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT | 28/04/2021
Page 01/01

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA HDPE GÂN XOÀN 2 LỚP D300**
Mã mẫu: **Ống nhựa HDPE xoắn 2 lớp D300**
Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Số lượng mẫu: **01**
Ngày nhận mẫu: **19/04/2021**
Thời gian thử nghiệm: **20/04/2021 - 28/04/2021**
Địa điểm thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH**
Địa chỉ: **22 Lương Trắc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**
Ký kết thử nghiệm: **Nguyễn Thị Thủy Nhi**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
Characteristic	Unit	Test method	Test result
7.1 Đường kính trong (trung bình) của ống	mm	TCVN 6145 : 2007	303,6
7.2 Chiều cao kết cấu trung bình	mm	TCVN 6145 : 2007	24,2
7.3 Độ cứng vòng (độ biến dạng nén 3% đường kính trong) / Ring stiffness (3% deflection of inner diameter)	kN/m ²	TCVN 8850 : 2011	6,557 • Mẫu thử 1/ Sample 1 • Mẫu thử 2/ Sample 2 • Mẫu thử 3/ Sample 3 • Trung bình / Average

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

TL GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Phạm Thành Trung

Phiếu kiểm định chất lượng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(năm 2023 - 2024)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHƯA
BẢO MINH

[02] Mã số thuế: 0314994930

[03] Địa chỉ: 22 Lương Trúc Đàm,
Phường Hiệp Tân

[04] Quận/Huyện: Quận
Tân Phú

[05] Tỉnh/Thành phố: TP Hồ Chí
Minh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:
kt.nhuabaominh@gmail.com

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		61.632.497.478	82.784.711.190
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		5.049.668.283	2.850.085.788
1. Tiền	111		5.049.668.283	2.850.085.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		29.579.840.604	21.492.843.966
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		26.380.512.117	19.032.177.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		530.048.607	168.666.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		12.000.000	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.657.279.880	2.292.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		23.331.678.411	52.663.788.729
1. Hàng tồn kho	141		23.331.678.411	52.663.788.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		3.671.310.180	5.777.992.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		798.605.586	160.483.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.854.653.699	5.575.099.770
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		18.050.895	42.409.527
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		31.389.115.056	28.139.735.982
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220	31.389.115.056	28.139.735.982
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	31.303.334.646	27.964.445.568
- Nguyên giá	222	44.054.051.316	36.478.784.766
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(12.750.716.670)	(8.514.339.198)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	0	0
- Nguyên giá	225	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	85.780.410	175.290.414
- Nguyên giá	228	268.530.000	268.530.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(182.749.590)	(93.239.586)
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	0	0
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250	0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260	0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	93.021.612.534	110.924.447.172
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300	37.463.588.319	55.382.334.717
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310	37.463.588.319	55.382.334.717
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8.143.700.763	19.379.328.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.681.718.850	4.508.874.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	179.129.934	54.000.000
4. Phải trả người lao động	314	673.281.072	1.524.787.536
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	646.706.700	0

6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13.200.000.000	15.000.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9.939.051.000	14.915.344.368
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330	0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	55.558.024.215	55.542.112.455
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410	55.558.024.215	55.542.112.455
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	36.000.000.000	36.000.000.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	1.558.024.215	1.542.112.455
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	673.495.308	735.300.096
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	884.528.907	806.812.359
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0

1. Nguồn kinh phí	431	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	93.021.612.534	110.924.447.172

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN HỒN

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

[03] Mã số thuế: 0314994930

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		166.261.934.505	149.168.106.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	258.105.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		166.261.934.505	148.910.000.172
4. Giá vốn hàng bán	11		151.320.806.337	138.116.004.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.941.128.168	10.793.995.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.824.898	6.602.550
7. Chi phí tài chính	22		1.085.528.400	126.187.335
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.085.528.400	126.187.335
8. Chi phí bán hàng	25		8.039.834.805	4.969.405.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.496.939.946	4.585.178.769
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.322.649.915	1.119.826.836
11. Thu nhập khác	31		19.002	474.564
12. Chi phí khác	32		173.606.226	89.428.761
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(173.587.224)	(88.954.197)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.149.062.691	1.030.872.639
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		264.533.784	224.060.280
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		884.528.907	806.812.359
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: B 03
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

[03] Mã số thuế: 0314994930

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		174.491.473.908	160.793.667.717
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(113.906.218.464)	(195.071.197.452)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.830.629.316)	(15.201.324.402)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.085.528.400)	(126.187.335)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(45.994.323)	(578.831.634)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.821.993.928	25.582.814.559
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.861.910.987)	(13.988.229.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.583.186.346	(38.589.288.198)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.335.881)	(86.804.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.824.898	6.602.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40.510.983)	(80.201.541)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	27.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.343.092.868)	(1.500.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.343.092.868)	25.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.199.582.495	(13.169.489.739)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.850.085.788	16.019.575.527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.049.668.283	2.850.085.788

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Mẫu số B-01/DN)*(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Người nộp thuế:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Mã số thuế:

0314994930

Đơn vị tính:

Việt Nam Đồng

☐
☒

BCTC đã được kiểm toán

Ý kiến kiểm toán:

Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		80,037,906,585	61,632,497,478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		5,272,282,596	5,049,668,283
1. Tiền	111		5,272,282,596	5,049,668,283
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 136 + 137 + 139)	130		38,822,466,447	29,579,840,604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		38,387,054,103	26,380,512,117
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		174,000,033	530,048,607
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		15,000,000	12,000,000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2,398,413,096	2,657,279,880
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-2,152,000,785	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	-
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		28,659,451,527	23,331,678,411
1. Hàng tồn kho	141		28,659,451,527	23,331,678,411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	-
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 153 + 154 + 155)	150		7,283,706,015	3,671,310,180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		920,270,262	798,605,586
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,355,964,217	2,854,653,699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		7,471,536	18,050,895
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		33,439,249,107	31,389,115,056
I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 214 + 215 + 216 + 219)	210		0	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	-



6. Phải thu dài hạn khác	216		0	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	-
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		33,439,249,107	31,389,115,056
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		33,288,267,507	31,303,334,646
- Nguyên giá	222		51,945,246,042	44,054,051,316
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-18,656,978,535	- 12,750,716,670
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	-
- Nguyên giá	225		0	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	-
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		150,981,600	85,780,410
- Nguyên giá	228		433,237,200	268,530,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-282,255,600	- 182,749,590
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	-
- Nguyên giá	231		0	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + 252 + 253 + 254 + 255)	250		0	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	-
VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		113,477,155,692	93,021,612,534
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		50,820,184,218	37,463,588,319
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 322 + 323 + 324)	310		50,820,184,218	37,463,588,319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		22,215,612,279	8,143,700,763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9,771,918,147	4,681,718,850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		190,238,067	179,129,934
4. Phải trả người lao động	314		1,623,239,454	673,281,072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		691,554,900	646,706,700
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		600,000,000	13,200,000,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		15,727,621,371	9,939,051,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	-
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	-

2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		62,656,971,474	55,558,024,215
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 420 + 421 + 422)	410		62,656,971,474	55,558,024,215
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		60,000,000,000	54,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20,000,000,000	18,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		40,000,000,000	36,000,000,000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		2,656,971,474	1,558,024,215
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,472,591,211	673,495,308
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,184,380,263	884,528,907
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	-
1. Nguồn kinh phí	431		0	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		113,477,155,692	93,021,612,534

Người lập biểu:

Kế toán trưởng:

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Giám đốc:

Ngày ký:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Mẫu số B 02 - DN)*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2024

Người nộp thuế:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Mã số thuế:

0314994930

☒ Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		275,954,458,287	166,261,934,505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,572,248,262	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		271,382,210,025	166,261,934,505
4. Giá vốn hàng bán	11		256,226,577,570	151,320,806,337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		15,155,632,455	14,941,128,168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		127,220,367	3,824,898
7. Chi phí tài chính	22		600,234,186	1,085,528,400
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	1,085,528,400
8. Chi phí bán hàng	25		5,003,031,936	8,039,834,805
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7,274,328,237	4,496,939,946
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		2,405,258,463	1,322,649,915
11. Thu nhập khác	31		0	19,002
12. Chi phí khác	32		739,826,508	173,606,226
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-739,826,508	-173,587,224
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,665,431,955	1,149,062,691
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		481,051,692	264,533,784
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1,184,380,263	884,528,907
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0

Người lập biểu:

Giám đốc:

NGUYỄN HÓN

Kế toán trưởng:

Ngày ký:

22/03/2025

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

NK

BẢO MINH

0314994930

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP) (Mẫu số B 03 - DN)*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Năm 2024**

Người nộp thuế:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHỰA BẢO MINH

Mã số thuế:

0314994930☒

Hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		285,354,600,558	174,491,473,908
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-219,466,923,090	-113,906,218,464
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-9,292,115,010	-10,830,629,316
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-600,234,186	-1,085,528,400
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-452,483,559	-45,994,323
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		286,310,997	24,821,993,928
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-13,735,358,601	-32,861,910,987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	20		42,093,797,109	40,583,186,346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-7,891,194,726	-44,335,881
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		127,220,367	3,824,898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30 = 21 + 22 + 23 + 24 + 25 + 26 + 27)	30		-7,763,974,359	-40,510,983
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6,000,000,000	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		7,194,471,450	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-47,301,679,887	-38,343,092,868
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40 = 31 + 32 + 33 + 34 + 35 + 36)	40		-34,107,208,437	-38,343,092,868
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		222,614,313	2,199,582,495
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,049,668,283	2,850,085,788
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5,272,282,596	5,049,668,283

Người lập biểu:

Giám đốc:

NGUYỄN HÓN

Kế toán trưởng:

Ngày ký:

22/03/2025

Số chứng chỉ hành nghề:

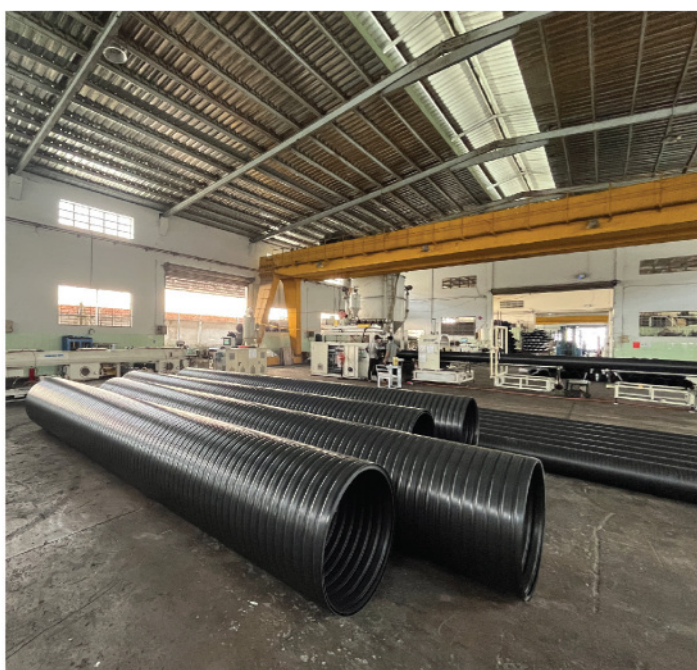
Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

NHÀ XƯỞNG TẠI LONG AN





NHÀ XƯỞNG TẠI LONG AN

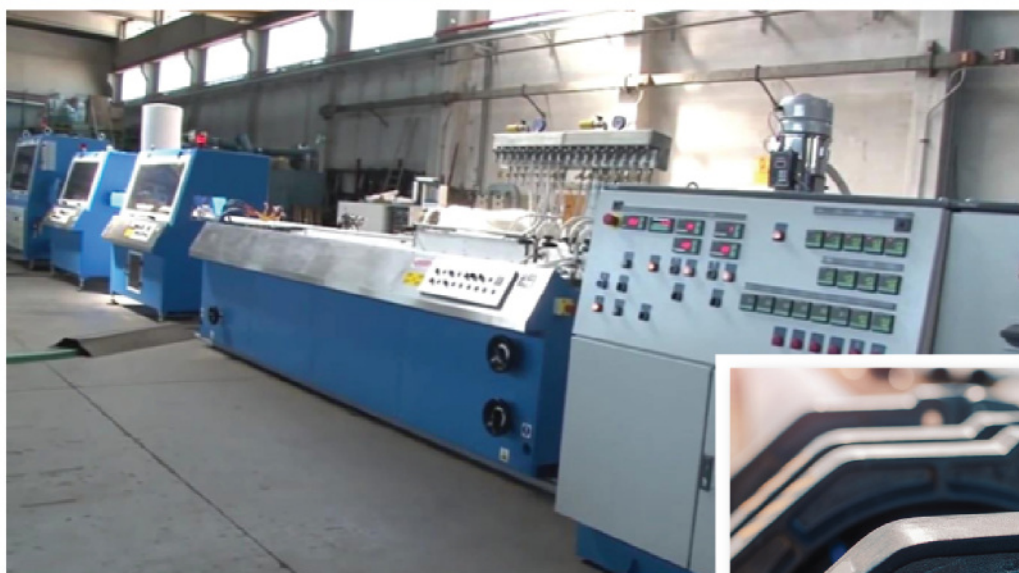


NHÂN LỰC THIỆT BỊ



Máy móc nhập khẩu hiện đại

NHÂN LỰC THIẾT BỊ



Máy móc nhập khẩu hiện đại

NHÂN LỰC THIỆT BỊ



Máy móc nhập khẩu hiện đại



TRANG THIẾT BỊ & MÁY MÓC





NHỰA BẢO MINH

DANH SÁCH THIẾT BỊ & MÁY MÓC

MÔ TẢ	SỐ LƯỢNG	NĂNG SUẤT
Máy móc thiết bị sản xuất ống HDPE dùng dẫn nước sinh hoạt		
Dây chuyền đùn và xử lý ống	3	600 tấn thành phẩm/tháng
Máy móc thiết bị sản xuất ống HDPE gân xoắn 2 lớp thoát nước		
Dây chuyền đùn và xử lý ống	4	100 tấn thành phẩm/tháng
Máy móc thiết bị sản xuất ống HDPE gân xoắn 2 vách thoát nước		
Dây chuyền đùn và xử lý ống	6	100 tấn thành phẩm/tháng
Máy móc thiết bị sản xuất ống HDPE gân xoắn luồn dây điện (ống cam)		200 tấn thành phẩm/tháng
Dây chuyền đùn và xử lý ống	4	
Máy trộn	4	
Máy xay nóng nhiên liệu	5	

DANH SÁCH THIẾT BỊ & MÁY MÓC

MÔ TẢ	SỐ LƯỢNG	NĂNG SUẤT
Máy móc thiết bị khác		
Máy đo độ cứng vòng của ống	1	Được kiểm nghiệm định kỳ theo quy định
Máy thử va đập bên ngoài ống	1	
Các thiết bị vận hành khác		Đáp ứng mọi nhu cầu vận tải giao nhận hàng hóa và đảm bảo máy móc vận hành liên tục theo yêu cầu sản xuất
Xe nâng vận chuyển hàng hóa	6	
Xe vận chuyển giao nhận hàng hóa	10	
Máy phát điện 1000KVA	2	





NHỰA BẢO MINH

DANH SÁCH THIẾT BỊ & MÁY MÓC



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
ỐNG HDPE GÂN XOẮN 2 LỚP





NHỰA BẢO MINH

DANH SÁCH THIẾT BỊ & MÁY MÓC





NHỰA BẢO MINH

DANH SÁCH THIẾT BỊ & MÁY MÓC



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
ỐNG HDPE GÂN XOẮN 2 VÁCH





DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
ỐNG HDPE TRƠN



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
ỐNG HDPE TRƠN



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
ỐNG HDPE TRƠN



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
ỐNG HDPE TRƠN



HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU



HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

CÁC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP ỐNG HDPE TRƠN, 2 LỚP, 2 VÁCH, ỐNG CAM LUỒN DÂY ĐIỆN

STT	HỢP ĐỒNG	DỰ ÁN	THỜI GIAN	GIÁ TRỊ
1	220223-MS/XDDD/ HĐMB-2023/NTN-BAOMINH	KCN Du Long, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận	2023-2024	10,384,711,200
2	85/2023/THUTHUA-BM	KDC Trung Tâm Hành Chính Huyện Thủ Thừa, Long An	2023-2024	8,682,363,384
3	2012/HĐMB/PT-NBM/23	Huế Amusement Beach Park	2023-2024	9,524,986,770
4	080124/HĐMB/BM-MK	Cảng thủy nội địa & Kho bãi Hồng Long, Cái Mép, Phú Mỹ, BRVT	2024	4,100,404,164
5	18092024/HĐMB/BM-CD	Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Xã Sơn Kim 1, Hương Sơn, Hà Tĩnh	2024	6,667,704,000
6	20082024/HDBM/BM-NV	Khu tái định cư phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh BRVT	2024	3,967,263,036
7	1409/HĐMB/TV-NBM/23	ĐTXD Hệ thống xử lý nước thải Đô Thị Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh	2023-2024	18,837,493,488
8	1307/HĐMB/ST-BM/23	Hạ Tầng Kỹ Thuật KCN Cầu Ngàn, Quỳnh Phụ, Thái Bình	2023	5,504,552,090
9	181223/HĐMB/BM-12/23	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam- Tiểu dự án TP. Long Xuyên, An Giang	2023-2024	8,174,539,206
10	140325/HĐMB/BM-TANLONGPHUOC	THE MARIS, Đường 3/2, Phường 10, TP. Vũng Tàu	2025	1,863,524,583
11	0703/HĐMB/BM-TDP	Dự án xây dựng trường Đại Học FPT Đà Nẵng	2024-2025	4,138,432,496
12	1010/HĐMB/BM-KD/24	Khu Công Nghiệp Phong Điền - Hàn Quốc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	2024	2,721,039,450

HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU

CÁC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP ỐNG HDPE TRƠN, 2 LỚP, 2 VÁCH, ỐNG CAM LUỒN DÂY ĐIỆN

STT	HỢP ĐỒNG	DỰ ÁN	THỜI GIAN	GIÁ TRỊ
1	120223/HĐMB-2023/HT-VC-BAOMINH	Dự án Khu Đô Thị Vinhomes Cam Lâm, Khánh Hòa	2023-2024	8,982,120,950
2	250124/HĐMB-2024/HT-VC-BAOMINH	Vinhomes Global Gate Cổ Loa	2024-2025	15,825,720,584
3	110524/HĐMB-2024/HT-VC-BAOMINH	Vinhomes Đại An & Vinhomes Dream City - Hưng Yên	2024-2025	12,151,725,070
4	180724/HĐMB-2024/HT-VC-BAOMINH	Vinhomes Wonder Park Đan Phượng	2024-2025	7,359,124,164
5	040624/HĐMB-2024/HT-VC-BAOMINH	Dự án B5 - Phân khu 4 - Vinhomes Grand Park Quận 9	2024-2025	9,123,856,238
6	200824/HĐMB-2024/HT-VC-BAOMINH	Vinhomes Vũ Yên - Hải Phòng	2024-2025	5,967,263,036
7	151124/HĐMB-2024/HT-VF-BAOMINH	Vinfast Vũng Áng - Hà Tĩnh	2024-2025	11,963,023,478

TỔNG KL HỢP ĐỒNG TỪ 2022 - 2024

Năm	SL HỢP ĐỒNG
2022	141
2023	219
2024	336

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
NHỰA BẢO MINH



NHỰA BẢO MINH

SẢN PHẨM NỔI LÊN THƯƠNG HIỆU



NHÀ MÁY:

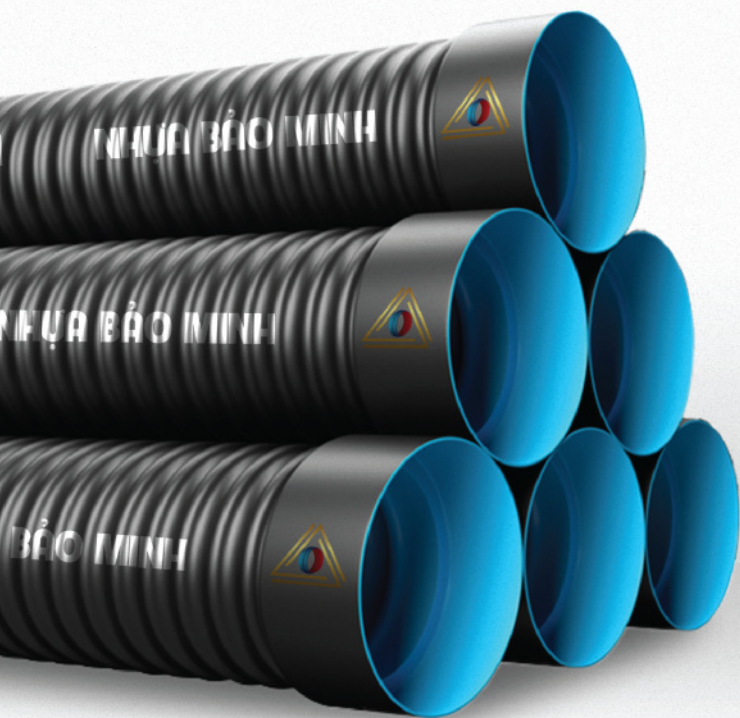
SỐ 29, TỈNH LỘ 830, ẤP 3, XÃ
LƯƠNG BÌNH, BẾN LÚC, LONG AN.

MIỀN NAM:

- Hotline: 0836 369 369.
- Website: www.nhuabaominh.com

MIỀN BẮC:

- Hotline: 0363 303 633.
- Website: www.nhuabaominh.com



SO SÁNH

ỐNG NHỰA HDPE VỚI BÊ TÔNG

nhuabaominh.com

Trong thời đại ngày nay, nếu chậm một bước, chúng ta không chỉ mất cơ hội của bước đó mà còn có khả năng mất thêm những cơ hội có khi còn lớn hơn rất nhiều so với những mất mát có thể xảy ra do đó chúng ta phải quyết định nhanh. Để tốc độ hóa khả năng thi công nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng thì ống nhựa HDPE gân xoắn thoát nước là sự lựa chọn tối ưu cho Quý khách hàng trong các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà ở.

STT	ĐẶC ĐIỂM	ỐNG NHỰA HDPE GÂN XOẮN	ỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP
1	Khả năng chịu lực	Ống HDPE chịu lực tốt, chịu uốn lệch rất tốt và có khả năng chịu biến dạng loại tải cao	Ống bê tông cốt thép rất cứng, không đàn hồi, chịu lực tốt nhưng dễ nứt gãy tại các vị trí mối nối khi chịu tải trọng quá mức cho phép
2	Khả năng chịu nhiệt	Ống HDPE chịu nhiệt tốt. Khi bị tác động dưới ngọn lửa, ống HDPE khó bắt lửa, nó chỉ mềm đi và biến dạng. Nhiệt độ bắt lửa của nhựa HDPE là 327°C	Ống bê tông có thể coi như không cháy, nhưng khi nhiệt độ tăng cao các tính chất cơ lý biến đổi rõ rệt. Cường độ kéo giảm tuyến tính khi nhiệt độ lớn hơn 100°C, khi đạt 600°C không chịu kéo. Chịu nén bình thường khi nhiệt độ nhỏ hơn 150°C giảm tuyến tính và bằng 0 khi nhiệt độ đạt 700°C
3	Độ bền trong môi trường hóa chất	Bền với hóa chất, không bị ăn mòn trong môi trường xâm thực	Cốt thép dễ bị xâm thực, ăn mòn bởi các tác nhân hóa học
4	Độ kín nước	Gần như tuyệt đối, nước không bị rò rỉ tại vị trí mối nối	Không tuyệt đối, nước có thể thấm thấu qua bề mặt bê tông hoặc rò rỉ tại vị trí mối nối ống
5	Phương pháp nối ống	Phương pháp hiện đại, sử dụng đai nhựa HDPE đồng bộ, khởi nối với ống	Phương pháp cổ truyền xâm đục tấm nhựa đường
6	Đặc điểm thi công	Trọng lượng nhẹ, vận chuyển nhanh, phụ kiện khớp nối đơn giản, thi công lắp đặt an toàn, dễ dàng và nhanh chóng	Cồng cứng và nặng, khớp nối phức tạp, cần có gối đỡ, thi công mất thời gian và thiết bị cơ giới thi công phải đủ lớn
7	Tuổi thọ trung bình	Trên 50 năm	Khoảng 20 năm

SO SÁNH

ỐNG NHỰA HDPE VỚI ỐNG uPVC

nhuabaominh.com

ĐẶC ĐIỂM	ỐNG NHỰA HDPE GÂN XOẮN	ỐNG uPVC THOÁT NƯỚC
Khả năng chịu lực	Cao (do ống có cấu tạo lỗ rỗng giữa vách trong và ngoài nên chịu được ngoại áp và cường độ)	Thấp
Khả năng thích nghi môi trường	Thân thiện môi trường, sạch. Chịu được ánh sáng mặt trời, chịu nhiệt tốt, không bị lão hóa về cơ lý hóa khi để lâu ngày dưới tia cực tím	Thân thiện môi trường, sạch. Dễ bị lão hóa dưới tác động của tia cực tím
Khả năng uốn dẻo và đàn hồi	Có độ uốn dẻo và đàn hồi khi bị ngoại lực tác động (do tác động của xe, động đất hoặc đất trượt...)	Ống cứng và giòn, dễ bị rò rỉ tại các mối nối hoặc thân ống khi có tác động của ngoại lực
Khả năng kháng hóa chất	Chịu được hầu hết các loại hóa chất	Có giới hạn, đặc biệt trong môi trường dẫn axit có tính oxy hóa hoặc các dung môi hợp chất thơm
Giá cả (tính cả ống và phụ kiện)	Ø150 - 200 giá thấp	Ø150 - 200 giá cao hơn
	Ø250 - 2000 giá cao	
	* Tiết kiệm chi phí lắp đặt, chi phí khâu nối do chiều dài ống có thể sản xuất tối đa là 10km	* Chi phí phụ kiện, khâu nối tăng do chiều dài tiêu chuẩn ống là 4m

Cả hai loại ống nhựa HDPE và uPVC có thể được sử dụng có hiệu quả trong hệ thống thoát nước. Từng loại có những ưu điểm riêng và giá thành khác nhau. Nếu bạn đang muốn sử dụng ống nước bằng nhựa cho dự án của mình, điều quan trọng là phải biết sự khác biệt giữa các ưu điểm và cách sử dụng phù hợp với nhu cầu của bạn sẽ có thể yên tâm rằng bạn đã lựa chọn ống tốt nhất cho công việc.

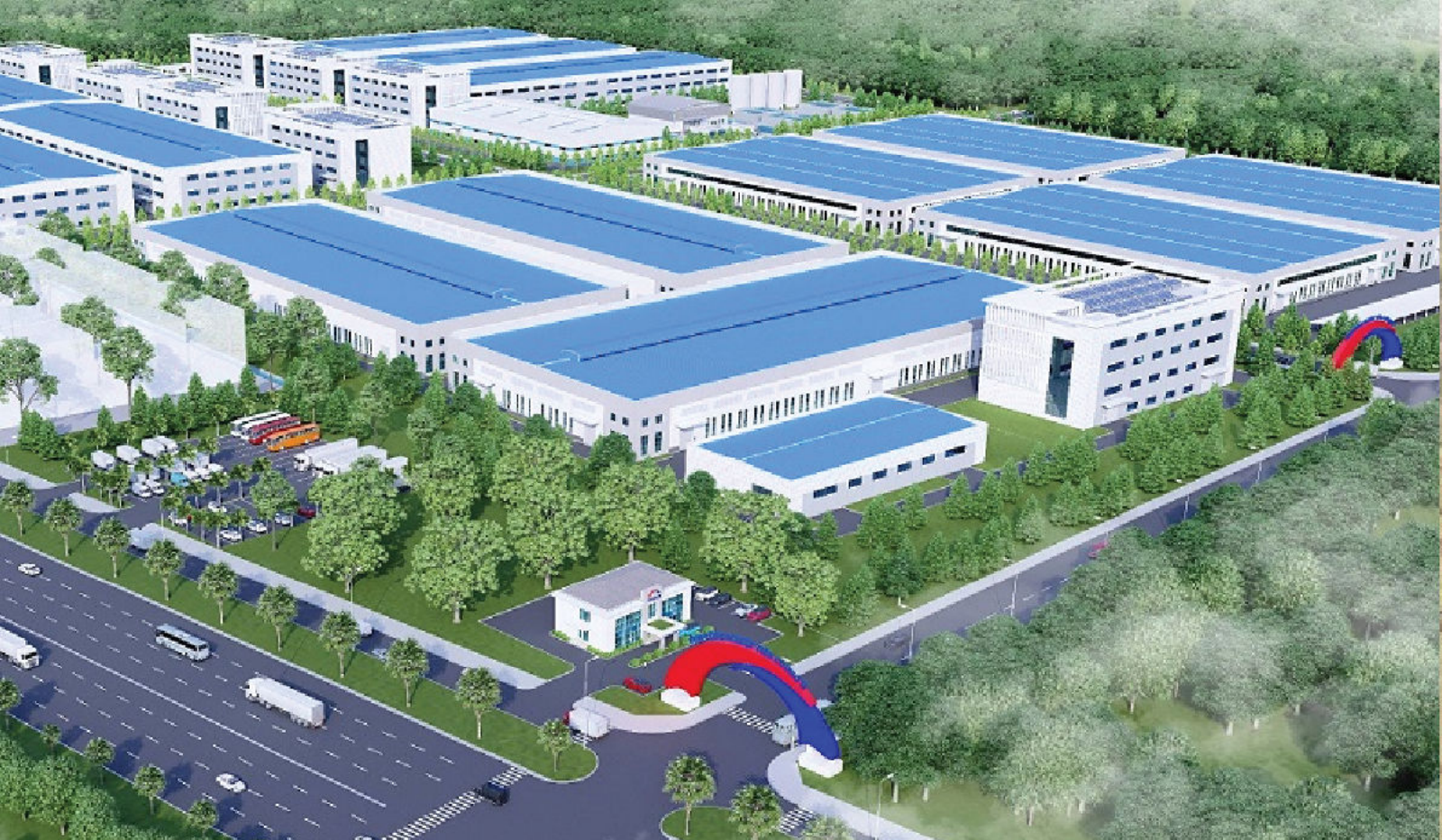
Bạn còn băn khoăn khi lựa chọn ống nhựa thoát nước cho công trình mình hãy liên hệ với công ty Nhựa Bảo Minh. Với sản phẩm ống Nhựa Bảo Minh chúng tôi sẽ hỗ trợ và tư vấn cho bạn sự lựa chọn tốt nhất.





CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU





Cụm công nghiệp Tiên Cường II
Tien Cuong II Industrial Park



Vinhomes Cam Lâm - Khánh Hòa
Vinhomes Cam Lam - Khanh Hoa Province



KCN Liên Hà Thái - Thái Bình
Lien Ha Thai Industrial Park - Thai Binh Province



Vinhomes Cổ Loa - Hà Nội
Vinhomes Co Loa - Ha Noi



Vinhomes Đại An & Vinhomes Dream City – Hưng Yên
Vinhomes Dai An & Vinhomes Dream City – Hung Yen



DỰ ÁN B5 PHẦN KHU 4 – VINHOMES GRAND PARK QUẬN 9
Project B5, Zone 4- Vinhomes Grand Park, District 9, HCM City



Vinhomes Wonder Park Đan Phượng
Vinhomes Wonder Park – Dan Phuong



Vinhomes Vũ Yên – Hải Phòng
Vinhomes Vu Yen – Hai Phong



TUYẾN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI



CHUNG CƯ SUNRISE CITY NORTH



KINH NGHIỆM DỰ ÁN



BỆNH VIỆN ĐA KHOA VĨNH LONG



CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚ CƯỜNG - ĐỒNG NAI



NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BR.VŨNG TÀU



BỂ LẮNG CUỐI



**KDC A1 - C1 XÃ XUÂN THANH
THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI**



KINH NGHIỆM DỰ ÁN



NOVABEACH CAM RANH RESORT & VILLAS



SÂN GOLF LONG THÀNH



KDL SINH THÁI SÀI GÒN BA BỂ - BẮC CẠN



KINH NGHIỆM DỰ ÁN





DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ PHONG NGUYÊN



ĐIỆN GIÓ HƯỚNG TÂN - QUẢNG TRỊ



KCN TEXHONG HẢI HÀ - QUẢNG NINH



CỤM CÔNG NGHIỆP TIỀN TIẾN - HÒA BÌNH

KINH NGHIỆM DỰ ÁN



KDL BÌNH TIÊN - NINH THUẬN



KHU NGHỈ DƯỠNG MALIBU - HỘI AN



KĐT MỚI MỸ ĐỘ - BẮC GIANG



KCNC HÒA LIÊN - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG



NÂNG CẤP TUYẾN ĐÔ THỊ BẮC NINH



NÂNG CẤP TUYẾN ĐÔ THỊ AN GIANG



**NÂNG CẤP CẢI TẠO BỜ KÈ TUYẾN
ĐẦU SẤU - CẢI SƠN - HÀNG BÀNG - CẦN THƠ**



NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 - TP HCM

GÓI THẦU CÔNG



KHU HÀNH CHÍNH QUẬN BÌNH THỦY - CẦN THƠ



KHU HÀNH CHÍNH TP LONG XUYỀN - AN GIANG



NÂNG CẤP TUYẾN ĐÔ THỊ BẮC NINH



**TUYẾN CAO TỐC
CHÂU ĐỐC - AN GIANG - CẦN THƠ - SÓC TRĂNG**

CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Công ty Nhựa Bảo Minh không chỉ chú trọng phát triển sản xuất mà còn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. Từ các chương trình từ thiện như hỗ trợ người nghèo, trao học bổng, đến xây dựng công trình công cộng như cầu đường, trường học, Nhựa Bảo Minh luôn nỗ lực đóng góp cho sự phát triển bền vững và mang lại giá trị tích cực cho xã hội.

THÀNH TỰU & HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU

THÔNG DIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC:

Bằng sự đổi mới, sáng tạo và nhanh nhạy ứng dụng công nghệ hiện đại, **Nhựa Bảo Minh** đã dành suốt một thập kỷ để minh chứng cho phương châm kinh doanh mà doanh nghiệp lựa chọn từ những ngày đầu tiên: “*Sản phẩm nói lên thương hiệu*”.

Cùng với sự đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên, Bảo Minh không ngừng nỗ lực và định hướng mục tiêu phát triển lớn mạnh tại thị trường trong và ngoài nước.

- Ông **NGUYỄN VĂN SƠN** -
Tổng Giám Đốc



Bảo Minh được vinh danh trong Top 50 “Thương Hiệu Uy Tín Chất Lượng Việt Nam Asean 2021” do Hội Phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Asean bình chọn.



Và ghi dấu ấn khi đại diện làng Công nghệ Tiên Phong tham gia “Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia TECHFEST 2021”

THÀNH TỰU & HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU





NHỰA BẢO MINH



Nhựa Bảo Minh tặng quà cho trẻ em xã Tân Thanh.

– Nhựa Bảo Minh tham gia tổ chức và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn Xã Tân Thanh, Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang nhân dịp xuân Ất Tỵ.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG





NHỰA BẢO MINH

**Lễ khởi công cầu Kênh 200, xã Thạnh Mỹ huyện Tân Phước, Tiền Giang*



Nhựa Bảo Minh góp sức xây cầu tại các tỉnh miền Tây.

- Ngày 16/04/2024, Nhựa Bảo Minh tham gia Lễ khởi công xây dựng cầu Kênh 200 – Tiền Giang.
- Ngày 16/03/2025, Nhựa Bảo Minh tham gia Lễ khởi công xây dựng cầu Bà Tư – Long An

CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



**Lễ khởi công cầu Bà Tư, xã Bình Trĩn Đông huyện Tân Trụ, Long An*



NHỰA BẢO MINH



Ngày 19/01/2025 Nhựa Bảo Minh tài trợ nhà đại đoàn kết cho người dân.

- Nhựa Bảo Minh tài trợ xây nhiều nhà đại đoàn kết cho người dân trong xã Tân Thanh, Cái Bè, Tiền Giang.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



*Nhựa Bảo Minh tham gia lễ bàn giao nhà đại đoàn kết xã Tân Thanh.



NHỰA BẢO MINH
SẢN PHẨM NỔI LÊN THƯƠNG HIỆU

LỰA CHỌN THOÁT NƯỚC **#1** cho mọi công trình



3 LOẠI ỒNG *hdpe*

Dùng trong
CẤP - THOÁT NƯỚC



Thông tin liên hệ:

- VPĐD: 22 Lương Trúc Đàm, Hiệp Tân, Tân Phú, Tp. HCM.
- Hotline: 0836 369 369.
- Email: nhuabaominh.cskh@gmail.com
- Website: www.nhuabaominh.com

Văn phòng Hà Nội

- 481 Nguyễn Đức Thuận, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Hà Nội
- Hotline: 0363 303 633.
- Email: nhuabaominh.cskh@gmail.com
- Website: www.nhuabaominh.com

CHỨNG NHẬN ISO 9001:2015
ISO CERTIFICATION 9001:2015



Nhà Máy

- Nhà máy: Số 29, Ấp 3, Xã Lương Bình, H. Bến Lức, Long An.
- Email: nhuabaominh.cskh@gmail.com